TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1360/2025/DS–ST
Ngày: 30-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Tươi

Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Phan Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 504/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2087/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2708/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn D năm 1975
Địa chỉ: K T, phường B, thành phố Đà Nẵng.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1994
Địa chỉ: Số G đường K, Trung tâm hành chính D1, phường D2, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền số 002549 ngày 27/02/2025 do Văn phòng C chứng nhận). (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Văn Trung T1 sinh năm 1976; (vắng mặt)
Địa chỉ: 513/6/4 N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Sỹ T trình bày:

Ngày 06/11/2023, ông Văn Trung T1 có liên hệ ông Nguyễn Văn D để vay số tiền 300.000.000đ (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng). Ông D đồng ý cho ông T1vay số tiền nêu trên, nên cả hai đã ra Phòng C (địa chỉ tại: B N, Phường G, quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh) lập hợp đồng vay tiền làm chứng cứ. Tại

đây, ông D và ông T1 đã lập Hợp đồng vay tiền ngày 06/11/2023 được Phòng C chứng nhận, số công chứng: 15331 quyển số 11/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Theo Hợp đồng vay tiền, ông D và ông T1 thỏa thuận số tiền vay là 300.000.000 đồng, lãi suất theo Ngân hàng hiện hành, thời hạn vay là ngày 06/02/2024.

Sau khi ký hợp đồng vay tiền, ông D đã giao cho ông T1 số tiền 300.000.000 đồng bằng tiền mặt. Ông T1 đã ký xác nhận nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng ở mặt sau của Hợp đồng vay tiền nêu trên. Trong thời gian vay tiền, ông T1 không thanh toán cho ông D bất kỳ đợt tiền lãi nào và khi đến hạn thanh toán khoản nợ gốc thì ông T1 cũng không thanh toán nợ gốc cho ông D.

Do đó, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D khởi kiện ông T1 ra Tòa án nhân dân quận Gò Vấp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh để buộc ông T1 thanh toán cho ông D số tiền đã vay là 300.000.000 đồng. Ông D yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay nêu trên. Yêu cầu bị đơn trả một lần toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Văn Trung T1. Tuy nhiên, ông T1 đều vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Sỹ T có mặt, xác định nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ các yêu cầu theo đơn khởi kiện đã nộp cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ Hợp đồng vay tiền số công chứng: 15331 quyển số 11/2023 TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 06/11/2023 giữa ông Văn Trung T1 và ông Nguyễn Văn

D, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Tại thời điểm vay tiền, ông T1 xác định địa chỉ cư trú trong hợp đồng vay tiền tại địa chỉ số E N, phường G (trước đây là Phường A, quận G1), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, quận G1 xác định: Ông Văn Trung T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số E N, phường G (trước đây là Phường A, quận G1), Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng hiện nay đã bán nhà không còn cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ. Nguyên đơn xác định không biết địa chỉ nào khác của bị đơn ngoài địa chỉ ghi trong hợp đồng vay tiền. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn mà người khởi kiện biết được gần nhất, tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan có thẩm quyền cấp, xác nhận.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng với nguyên đơn mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên xác định bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số E N, phường G (trước đây là Phường A, quận G1), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:* Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Sỹ T mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Xét thấy, các bên đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu theo quy định tại Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền gốc đã vay là 300.000.000đ (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng vay tiền số công chứng: 15331 quyển số 11/2023 TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng C Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 06/11/2023 giữa ông Văn Trung T1 và ông Nguyễn Văn D, Hội đồng xét xử xác định giữa ông T1 và ông D xác lập giao dịch vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, với số tiền vay là 300.000.000

đồng; Thời hạn trả nợ là ngày 06/02/2024; Lãi suất: Tính theo lãi suất Ngân hàng hiện hành.

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền nêu trên, xác định thời hạn cuối bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc là hết ngày 06/02/2024. Tuy nhiên sau khi ký hợp đồng vay tiền, bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản lãi cũng như một phần hay toàn bộ tiền gốc cho nguyên đơn. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng vay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền gốc 300.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc bị đơn phải trả số tiền trên cho nguyên đơn làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về lãi suất chậm thi hành án:

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000079 ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng thi hành án dân sự khu vực 7).

Từ những phân tích và nhận định trên cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 203, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D:

Buộc ông Văn Trung T1 trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Về án phí:

Ông Văn Trung T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000079 ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh– Phòng thi hành án dân sự khu vực 7).

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Toà hoặc không có mặt khi Tòa tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 7-TP.HCM;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Tiến Thịnh